

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34, và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 274, 275, 277, 278, 280 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành của người khởi kiện Ngân hàng TMCP V (V1), Công ty cổ phần M1 với người bị kiện là bà Trương Thị Đ và ông Trương Công H

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 08 năm 2025 của Ngân hàng TMCP V (V1), Công ty cổ phần M1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 01 năm 2026 về thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: - Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Công ty cổ phần M1; Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T; sinh ngày 15/09/1995, CCCD số: 040095010990 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/04/2023, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Người bị kiện: - Bà Trương Thị Đ, CCCD số: 042156001050, cấp ngày 10/04/2021 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tiểu khu F, tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ông Trương Công H, CCCD số: 042055000975, cấp ngày 10/04/2021 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tiểu khu F, tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 01 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

- *Về nội dung khởi kiện:* Ông Trương Công H và bà Trương Thị Đ vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 2.820.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 10171168 ngày 25/04/2024 và Khế ước nhận nợ kèm theo:

- Số tiền vay 2.820.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh may mặc; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 6.49%/năm cộng (+) biên độ 3.5%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY279454, số vào sổ cấp GCN: CH01730 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/02/2015 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trương Thị Đ và ông Trương Công H. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số LN2205275866756 ký ngày 01/06/2022.

Quá trình thực hiện (các) hợp đồng trên, ông Trương Công H và bà Trương Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 10/12/2024.

Ngày 29/05/2025, V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M1 (gọi tắt là “Công ty M1”) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các văn kiện tín dụng nêu trên ký giữa V1 với ông Trương Công H và bà Trương Thị Đ

- *Về số tiền phải thanh toán:* Nay các bên thỏa thuận như sau; Ông Trương Công H và bà Trương Thị Đ phải thanh toán cho V1 và Công ty Cổ phần M1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo

các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, số tiền tạm tính đến ngày **22/01/2026** là: Nợ gốc: 2.820.000.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 44.459.424 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 460.818.570 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 34.887.947 đồng;
- **Tổng cộng: 3.360.165.941 đồng (Ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng).**

Trong đó, phần dư nợ phải thanh toán cho V1 (5%) là:

- Nợ gốc: 141.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 2.222.971 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 23.040.929 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 1.744.397 đồng;
- **Tổng cộng: 168.008.297 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu, không trăm linh tám nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng).**

Phần dư nợ phải thanh toán cho M (95%) là:

- Nợ gốc: 2.679.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 42.236.453 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 437.777.641 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 33.143.550 đồng;
- **Tổng cộng: 3.192.157.644 đồng (Ba tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).**

Ông Trương Công H và bà Trương Thị Đ tiếp tục trả lãi kể từ ngày 22/01/2026 theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Trương Công H và bà Trương Thị Đ thực tế thanh toán hết nợ cho V1 và Công ty cổ phần M1.

Trường hợp ông Trương Công H và bà Trương Thị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1 và Công ty M1 thì V1 và Công ty M1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay phường S, tỉnh Hà Tĩnh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY279454, số vào sổ cấp GCN. CH01730 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/02/2015 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trương Thị Đ và ông Trương Công H. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số LN2205275866756 ký ngày 01/06/2022.*

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 2 – Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hà Tĩnh
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Hương